

Số: **01** /2018/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **17** tháng **01** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11/TTr-STC ngày 11/01/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2020, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện thu: Hạt quản lý giao thông công chính huyện Phù Mỹ.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2020 (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) cụ thể như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Việc xác định “Hộ bán hàng có chất thải ít, có chất thải bình thường, có chất thải nhiều” theo quy định tại Phụ lục này do các đơn vị tổ chức thu gom rác thải xác định cụ thể cho phù hợp với từng địa bàn, khu vực, chợ, ngành hàng kinh doanh đảm bảo công bằng hợp lý.



- Việc thu phí vệ sinh rác thải quy định tại Phụ lục này được thực hiện theo hình thức “đồng/m³”, “đồng/đơn vị/tháng” hay “giá trị xây lắp công trình” là do đơn vị thu thỏa thuận, thống nhất với đối tượng được cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng để thực hiện cho phù hợp.

4. Phương thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

- Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Hạt quản lý giao thông công chính huyện Phù Mỹ áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định nêu trên.

- Khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Mỹ được xác định là nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật đối với số tiền thu được và có thực hiện quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2018 và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Đơn vị thu, đối tượng nộp khi áp dụng mức thu và nộp giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải theo quy định tại quyết định này thì không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh.

- Các nội dung khác còn lại tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN UBND tỉnh;
- Tưng tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K14 *[Chữ ký]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Chữ ký]
Phạm Cao Thắng

PHỤ LỤC

ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ MỸ LỘ TRÌNH NĂM 2018-2020

(Kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Đối tượng nộp phí	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2018 - 2019	Năm 2020
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân			
1	Khu vực đô thị			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố			
	- Đường được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng	đồng/hộ/tháng	23.000	28.000
	- Đường chưa được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc chưa được bê tông xi măng và các đường nội bộ ở các khu quy hoạch dân cư	đồng/hộ/tháng	19.000	23.000
b	Hộ có nhà ở trong ngõ, hẻm; hộ ở các khu nhà tập thể, chung cư cao tầng và khu vực khác	đồng/hộ/tháng	16.000	20.000
2	Các khu vực còn lại (không kể điểm 1)			
a	Hộ có nhà ở mặt đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ	đồng/hộ/tháng	20.000	25.000
b	Hộ có nhà ở khu vực khác	đồng/hộ/tháng	14.000	17.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ			
1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà:			
a	Có kinh doanh ăn uống, rau quả			
-	Hộ bán hàng có ít chất thải (< 0,3m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	40.000	50.000
-	Hộ bán hàng có chất thải bình thường (từ 0,3m ³ /tháng đến 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	57.000	71.000
-	Hộ bán hàng có nhiều chất thải (> 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	73.000	83.000
b	Các loại kinh doanh khác			
-	Hộ bán hàng có ít chất thải (< 0,3m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	32.000	40.000
-	Hộ bán hàng có chất thải bình thường (từ 0,3m ³ /tháng đến 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	40.000	50.000
-	Hộ bán hàng có nhiều chất thải (> 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/tháng	57.000	71.000
c	Hộ kinh doanh chợ thuê nhà trọ			
-	Quy mô cho thuê từ 1-5 phòng	đồng/hộ/tháng	40.000	60.000
-	Quy mô cho thuê từ 6-10 phòng	đồng/hộ/tháng	50.000	70.000
-	Quy mô cho thuê từ >10 phòng	đồng/hộ/tháng	80.000	120.000

STT	Đối tượng nộp phí	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2018 - 2019	Năm 2020
2	Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ	đồng/m ³	81.000	90.000
III	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp			
-	Lượng rác thải ≤ 1m ³ /tháng	đồng/đơn vị/tháng	105.000	140.000
-	Lượng rác thải > 1m ³ /tháng	đồng/đơn vị/tháng	127.000	158.000
IV	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống và hộ kinh doanh có quy mô lớn	đồng/m ³	182.000	227.000
		đồng /đơn vị/tháng	273.000	280.000
V	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³	182.000	227.000
VI	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³	182.000	227.000
		Giá trị xây lắp công trình	0,05%	0,05%

